

NĂNG LỰC THÍCH ỨNG CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VEN BIỂN TỈNH BẾN TRE TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Lê Thị Kim Thoa

Trường Đại học Khọc Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Nằm trong vùng hạ lưu khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Bến Tre có địa hình thấp, tiếp giáp biển Đông và được đánh giá là tỉnh chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi biến đổi khí hậu, điển hình là xâm nhập mặn, hạn hán, ngập lụt do triều cường và nước biển dâng. Trong thời gian gần đây, các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan diễn ra thường xuyên và bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh kế của cộng đồng dân cư, đặc biệt là người nghèo tại địa phương. Bên cạnh những nỗ lực của nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội nhằm phòng chống, giảm thiểu những rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra, cộng đồng dân cư, đặc biệt là những người nghèo đang sinh sống tại những vùng đất thấp, ven biển sẽ thích ứng, ứng phó như thế nào trước tác động của biến đổi khí hậu? Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu năng lực thích ứng của cộng đồng dân cư nghèo đang sinh sống tại các huyện ven biển của tỉnh Bến Tre và nguyện vọng của người dân trong công tác phòng chống, giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, năng lực thích ứng, cộng đồng dân cư, ven biển

*

1. Giới thiệu

Tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đến các nguồn tài nguyên, môi trường và sự phát triển kinh tế xã hội của các địa phương cũng như vấn đề an sinh của cộng đồng dân cư sinh sống tại các vùng ven biển đã và đang là mối quan tâm hàng đầu của chính phủ, các nhà khoa học và quản lý chính quyền Việt Nam và trên thế giới. Nằm ở vị trí cuối nguồn của đồng bằng sông Cửu Long, có địa hình thấp, tiếp giáp biển Đông, Bến Tre được đánh giá là tỉnh chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi BĐKH, điển hình là xâm nhập mặn, hạn hán, ngập lụt

do triều cường và nước biển dâng. Trong thời gian gần đây, các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan diễn ra thường xuyên và bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh kế của cộng đồng dân cư, đặc biệt là người nghèo tại địa phương. Bên cạnh những nỗ lực của nhà nước, các tổ chức, đoàn thể xã hội trong và ngoài nước nhằm phòng chống, giảm thiểu những rủi ro do BĐKH gây ra, cộng đồng dân cư, đặc biệt là những người nghèo đang sinh sống tại những vùng đất thấp, ven biển sẽ thích ứng, ứng phó như thế nào trước tác động của BĐKH?

2. Địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Địa bàn nghiên cứu ở ba xã: An Thủy (Ba Tri), Thừa Đức (Bình Đại) và Thạnh Hải (Thạnh Phú) của tỉnh Bến Tre. Đây là ba xã nằm sát biển và gần cửa sông, chịu ảnh hưởng sâu sắc của thủy triều và nước biển dâng.

Phương pháp bảng hỏi và thảo luận nhóm được dùng để khảo sát 80 hộ dân tại ba xã nghiên cứu. Nội dung bảng hỏi và thảo luận nhóm tập trung vào những hiểu biết của cộng đồng về BĐKH, những sáng kiến, mô hình sinh kế hiệu quả của người dân địa phương trong bối cảnh BĐKH, mối liên kết giữa người dân với các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương; và nguyện vọng của người dân trong công tác phòng chống, giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH.

3. Kết quả, thảo luận

3.1. Sáng kiến sinh kế của cộng đồng

Trong sản xuất nông nghiệp, sinh kế người dân phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, các hiện tượng thời tiết cực đoan. Để thích ứng với sự thay đổi của thời tiết khí hậu, người dân luôn tìm tòi, học hỏi và khám phá qui luật của tự nhiên, những sáng kiến sinh kế được hình thành và phát triển trên nền tảng của kinh nghiệm dân gian kết hợp với kiến thức khoa học. Sau đây là một số sáng kiến ứng phó của cộng đồng dân cư với các hiện tượng thời tiết cực đoan.

3.1.1. Tình hình sạt lở, xói mòn đất

Nhằm chống tình trạng sạt lở, xói mòn đất, người dân đã đưa ra sáng kiến trồng cây để giữ đất. Ở các khu vực dọc theo các sông rạch, ven biển, cây phổ biến được trồng ở địa phương là cây bần, cây mắm, cây đước, bởi cây có khả năng chịu ngập, bộ

rễ bám đất tốt. Theo nhận định của bà con, trồng bần, mắm, đước ven sông không chỉ giúp chắn sóng, gió, giữ đất, chống sạt lở hiệu quả, chúng còn giúp bảo vệ đê bao và góp phần hình thành bãi bồi, mở rộng diện tích canh tác. Ngoài ra, phi lao cũng được người dân trồng dọc theo các con đê. Dừa nước được trồng xung quanh giồng cát, nơi có nhiều kênh rạch.

Khảo sát địa bàn cho thấy, diện tích rừng ngập mặn bị khai thác, phá làm đầm nuôi tôm rất lớn, theo nhận định của bà con, trước đây rừng phòng hộ rất dày, cả 2 km, giờ đây rừng mỏng và thưa, đặc biệt là rừng phòng hộ tại vùng ven biển thuộc xã An Thủy, Thừa Đức bị tàn phá nặng nề. Nguyên nhân khiến rừng ngập mặn mỏng đi là do con người chặt phá bừa bãi, mặt khác sóng, gió, bão thổi từ biển vào đã làm cây ngã đổ, tróc gốc. Hiện tượng xâm thực, xói lở ngày một nhiều, xảy ra trên diện rộng, nhất là từ sau cơn bão Linda năm 1997, vào mùa gió chướng, cát theo dòng triều lấn dần các khu rừng đước dọc ven biển xã Thạnh Hải, rừng đước ngày một thu hẹp dần.

Đối với các hộ trồng hoa màu trên đất giồng cát, để chắn gió mạnh làm hư hại hoa màu, các nông hộ nơi đây đã làm những “bức tường” bằng những hàng cây bao quanh ruộng hoa màu.

3.1.2. Tình hình thiếu nước ngọt

Do dân số ngày một tăng, nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất ngày càng trở nên khan hiếm, mỗi nông hộ đều có cách ứng phó, thích ứng riêng tùy thuộc vào gia cảnh từng hộ.

Trong sinh kế, nhiều nông hộ đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ trồng

lúa cần nhiều nước, cho năng suất kém sang cây màu có thể chịu được hạn tốt, cho năng suất cao như mô hình trồng dưa hấu, đậu phộng, sắn... Ngoài ra, để tránh tình trạng bốc hơi nước, gần đây mô hình trồng dưa phủ bạt góp phần tiết kiệm được nguồn nước tưới, mặt khác hạn chế được cỏ dại, tránh xói mòn đất và giúp ngăn ngừa sâu rầy. Mô hình trồng dưa hấu phủ bạt được các nông hộ ưa chuộng bởi tính hiệu quả kinh tế và phù hợp với vùng đất địa phương. Bên cạnh đó, người dân còn tìm cách tưới tiết kiệm nước, sáng kiến vòi tưới tiết kiệm nước do ông Em, người dân xã An Thủy tạo ra nhằm giảm bớt lượng nước thất thoát khi tưới đã được ông vận dụng rất hiệu quả. Đối với các hộ nuôi thủy sản, nhằm làm giảm các đợt nắng nóng gây chết sò, nhiều hộ đã dùng lưới chống nắng che cho các bãi ương.

Tìm kiếm nguồn nước ngọt, bên cạnh nguồn nước mặt truyền thống từ các sông rạch, bà con đã phát hiện ra nguồn nước ngọt trên các giồng cát, đây là nguồn nước mưa đọng lại trên các giồng. Khi đào xuống 1- 2 mét sẽ tìm thấy nước ngọt. Ở những nơi giồng cao, có thể đào xuống từ 4 – 6 mét vẫn còn nước ngọt. Do không am hiểu về đất đai thổ nhưỡng và địa hình nơi sinh sống, nhiều hộ đào giếng theo cảm tính, nhiều hộ đào quá sâu ở những nơi đất giồng có độ dày mỏng, làm nước bị nhiễm mặn không dùng được. Dần dần, bà con rút kinh nghiệm chỉ đào 2 – 3 mét và đào nhiều giếng để có đủ nguồn nước phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu.

Bên cạnh nguồn nước ngọt được tìm thấy trên các giồng cát, hầu hết người dân địa phương đã dùng hệ thống máng thu nước và dùng lu, can nhựa trữ nước mưa uống dần vào mùa khô. Đối với nguồn nước

bị nhiễm phèn, người dân đã sử dụng vôi sống lắng phèn.

3.1.3. Tình hình ngập lụt, nhiễm mặn

Những năm gần đây, thời tiết thay đổi thất thường, nước biển có xu hướng ngày một dâng cao, những bờ đê dùng ngăn mặn, ngập lụt do triều cường được người dân làm ngày một cao và to; nhiều tuyến đê đã được xây dựng nhằm khắc phục tình trạng úng ngập, bảo vệ vật nuôi và cây trồng.

Đối với các hộ trồng màu, để tránh tình trạng ngập úng, các nông hộ đã làm liếp cùng các mương thoát nước. Ngoài ra, hướng liếp cũng được bà con chú ý là song song hoặc vuông góc với hướng đê bao để thuận tiện trong việc điều tiết nước.

Ở những nơi đất nhiễm mặn nặng, khó canh tác, nhiều hộ dân đã chuyển sang nuôi tôm, đem lại hiệu quả rất cao.

3.1.4. Các hiện tượng thời tiết cực đoan

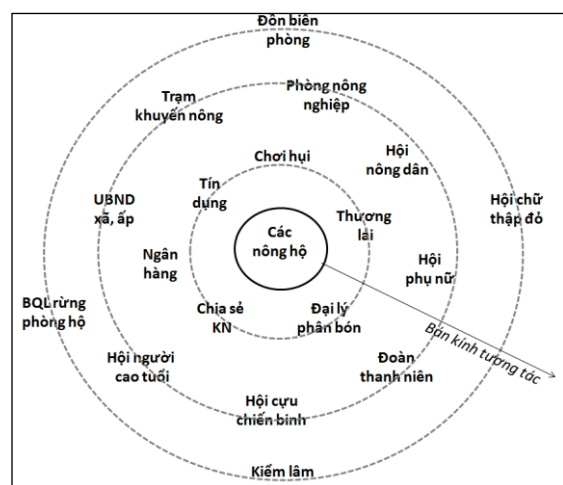
Ở Nam Bộ trước kia, khí hậu ôn hòa, ít khi có bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy hoành hành gây thiệt hại nghiêm trọng nhà cửa, vườn ruộng, do vậy, người dân ít có kinh nghiệm trong việc ứng phó với những hiện tượng cực đoan. Thời gian gần đây, thời tiết, khí hậu thay đổi thất thường, các cơn bão, áp thấp nhiệt đới có xu hướng xảy ra ngày càng nhiều, không theo qui luật nên người dân khó có thể lường trước và phòng ngừa. Chính vì vậy, vào mùa mưa bão, bà con thường chằng chéo nhà cửa, đặt bao cát lên mái nhà chống lốc xoáy, gió mạnh. Công tác kiểm tra, gia cố đê điều là việc làm tiếp theo để phòng ngừa ngập lụt do triều cường. Tuy nhiên, công tác này mang tầm vĩ mô thuộc chính quyền quản lý và thi công, người dân chỉ đóng vai trò báo cáo tình trạng khi phát hiện có sự cố. Do

vậy, nếu lũ vượt qua đê biển thì người dân chỉ biết ngồi nhìn. Nhiều hộ nông dân phản ánh, chính quyền địa phương còn bó tay thì cá nhân từng hộ gia đình chỉ biết “bỏ của chạy lấy người” mà thôi.

3.2. *Mối liên kết giữa nông dân với các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương*

Qua sơ đồ VENN và kết quả phỏng vấn các nông hộ cho thấy, mối liên kết giữa nông dân với các đoàn thể ban ngành tại địa bàn xã khảo sát còn khá lỏng lẻo, mang tính hình thức. Phần lớn các nông hộ không trông chờ, kì vọng nhiều vào sự hỗ trợ của các tổ chức, hội đoàn này.

Theo ý kiến phản hồi của các nông hộ, các tổ chức đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh chưa có sự quan tâm, hỗ trợ thật sự cho người dân. Hoạt động của các hội này còn khá mờ nhạt và không đem lại hiệu quả như người dân mong đợi.



Hình 1. *Mối tương tác giữa nông dân với các tổ chức đoàn thể ban ngành*

Một số nông hộ cho biết, hai hội có những đóng góp nhất định cho nông dân hiện nay là Hội Phụ nữ và Hội Nông dân. Hội Phụ nữ tổ chức nhóm tín dụng cho các chị em phụ nữ tham gia, đồng thời hướng

dẫn thủ tục vay vốn ngân hàng. Hội Nông dân đóng vai trò chuyển giao khoa học kỹ thuật đến người dân mà họ được các cán bộ chuyên môn hướng dẫn như trạm khuyến nông, phòng nông nghiệp. Tuy nhiên, những hoạt động trên chưa đem lại hiệu quả cao hoặc không thường xuyên.

Chính vì vậy, đa phần người dân tự thân vận động để đảm bảo đời sống sinh kế cho gia đình. Các nông hộ đã tự thiết lập nhóm tự tương trợ thông qua hình thức chơi hội tự phát giữa các chị em phụ nữ để giúp vốn khi cần thiết. Nhóm tự học hỏi kinh nghiệm nhằm chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, nuôi trồng thủy sản. Họ tự đi vay ngân hàng, tự liên hệ với các đại lý vật tư nông nghiệp cung cấp giống, phân bón. Các đại lý này có thể bán thiếu cho các hộ dân và lấy tiền sau khi vụ mùa kết thúc.

Sau khi thu hoạch, các sản phẩm bán ra thị trường phải qua trung gian là các thương lái. Địa phương chưa có tổ chức, ban ngành nào đứng ra giúp đỡ, hỗ trợ người dân giải quyết đầu ra của sản phẩm. Do vậy, giá cả sản phẩm bán ra thường không ổn định, tình trạng được mùa thì mất giá diễn ra khá phổ biến.

Có thể thấy, các hộ nông dân có mối tương tác trực tiếp khá gần với các đại lý vật tư nông nghiệp, các thương lái tự do. Trong khi vai trò của các hội, đoàn thể khác như Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Ủy ban Nhân dân xã có rất ít sự tương tác với nông dân. Theo ý kiến của người dân, ban quản lý rừng, kiểm lâm, đồn biên phòng, Hội Chữ thập đỏ hầu như không có mối liên hệ trực tiếp nào với người dân bởi do tính đặc thù của công việc.

3.3. Năng lực thích ứng, ứng phó của người dân địa phương

Năng lực thích ứng, ứng phó của cộng đồng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như kinh nghiệm dân gian, trình độ học vấn, yếu tố kinh tế hộ gia đình (nghèo, trung bình, khá giả), giới, tính dễ bị tổn thương của từng loại hình sinh kế trước sự thay đổi của đặc điểm thời tiết, khí hậu cùng các hiện tượng thời tiết cực đoan. Các hành động ứng phó xuất phát từ kinh nghiệm dân gian được cộng đồng vận dụng để thích nghi với các đặc điểm tự nhiên mang tính qui luật và những bất thường của hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan. Có những giải pháp giúp người dân ứng phó được, nhưng cũng có những giải pháp chỉ mang tính chống chọi, tạm thời.

Bảng 1. Khả năng thích ứng của người dân địa phương

	Khả năng thích ứng			
	Cao	Trung bình	T. bình-thấp	Thấp
Loại hình sinh kế				
1. Trồng màu				
2. Nuôi nghêu, sò huyết				
3. Nuôi tôm				
4. Đánh bắt thủy hải sản				
Trình độ học vấn				
1. Từ cấp 2 trở lên				
2. Cấp 1 – cấp 2				
3. Dưới cấp 1				
Kinh tế hộ gia đình				
1. Giàu				
2. Khá				
3. Trung bình				
4. Nghèo				
Giới tính				
1. Nam				
2. Nữ				

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2011)

Kết quả khảo sát cho thấy, các hộ trồng màu có năng lực thích ứng, ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan tốt hơn các hộ sinh kế khác (nuôi thủy sản, đánh bắt ven bờ...). Những hộ này có tính

linh hoạt cao trong việc điều chỉnh lịch mùa vụ một cách hiệu quả và đưa ra những giải pháp ứng phó kịp thời, có tác dụng không chỉ trong thời điểm hiện tại mà còn có thể áp dụng lâu dài trong tương lai. Mặc dù thuộc nhóm sinh kế có nhiều sáng kiến thích ứng, ứng phó với sự thay đổi của đặc điểm thời tiết, khí hậu, nhưng đây cũng là nhóm dễ bị tổn thương nhất do loại hình sinh kế phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm tự nhiên, điều kiện thời tiết, khí hậu. Một số giải pháp ứng phó hiện tại của các nông hộ hiện nay là đa dạng hóa các loại rau màu nhằm giảm thiểu tình trạng mất mùa, đặt biệt chú ý tới khâu chọn giống tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên và thời tiết, khí hậu địa phương, áp dụng mô hình phủ bạt nhằm tránh bốc hơi, giảm dịch bệnh.

Năng lực thích ứng của các hộ nuôi nghêu, sò huyết được đánh giá ở mức độ trung bình. Những hộ này cũng có tính linh hoạt cao trong việc điều chỉnh lịch mùa vụ, chuyển đổi giống nuôi phù hợp, mang lại hiệu quả kinh tế cao và có khả năng phục hồi từ từ khi gặp phải những thay đổi thất thường của thời tiết. Tuy nhiên, so với các hộ trồng màu, các giải pháp ứng phó của các hộ nuôi nghêu, sò huyết còn nhiều hạn chế, chưa tìm ra được cách giải quyết hiệu quả và do vậy các hành động ứng phó ít khả thi. Một trong những giải pháp đang được các nông hộ này thực hiện nhằm giảm bớt rủi ro là dùng lưới chống nắng để bảo vệ các khu nuôi ươm sò huyết.

Các hộ nuôi tôm có khả năng thích ứng vào loại trung bình thấp. Nhóm sinh kế này cũng linh hoạt trong việc điều chỉnh lịch mùa vụ, chuyển đổi giống nuôi phù hợp, mang lại hiệu quả kinh tế cao và có khả năng phục hồi từ từ khi gặp phải

những thay đổi thất thường của thời tiết. Tuy nhiên, sinh kế nuôi tôm phụ thuộc nhiều vào nguồn nước, nhưng nhóm này chưa có giải pháp ứng phó mang tính khả thi trong tương lai khi thời tiết khí hậu thay đổi thất thường. Để giảm bớt rủi ro, người dân đang tích cực chuyển từ nuôi tôm sú sang nuôi tôm thẻ chân trắng. Thời gian thu hoạch tôm thẻ chân trắng ngắn hơn so với tôm sú và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Theo ý kiến của các nhà khoa học, mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng không bền vững do số lượng và chất lượng con giống hạn chế, bệnh dịch và hàm lượng chất thải phân hóa học và thuốc trừ sâu dùng quá nhiều gây tác động xấu tới môi trường.

Các hộ đánh bắt thủy, hải sản là nhóm có khả năng thích ứng vào loại thấp. Họ hầu như bị động hoàn toàn trước tác động của BĐKH. Khi nhận được thông tin bất thường về thời tiết, khí hậu, họ neo đậu tàu thuyền cho đến khi thời tiết trở về trạng thái bình thường.

Xét về trình độ văn hóa, năng lực thích ứng của những nông hộ có trình độ học vấn trung học phổ thông trở lên cao hơn các hộ có trình độ văn hóa trung học cơ sở và tiểu học. Những hộ này có khả năng nắm bắt và vận dụng các thông tin khoa học kỹ thuật vào hoạt động sinh kế dễ dàng hơn và vì vậy, họ có thể có nhiều sáng kiến hơn các hộ có trình độ văn hóa thấp.

Năng lực thích ứng với các hiện tượng thời tiết cực đoan cũng có sự khác biệt rõ về giới tính. Nữ giới ít có cơ hội tiếp cận thông tin, hầu như mọi chuyện trong gia đình do nam giới quyết định. Do vậy, khả năng thích ứng, ứng phó của nữ giới khi có sự thay đổi thất thường về thời tiết, khí hậu thấp hơn nhiều so với nam giới.

Kết quả khảo sát các nông hộ cho thấy, khả năng thích ứng với tác động của BĐKH của những hộ có khả năng tài chính dồi dào cao hơn các hộ khá, trung bình và nghèo. Các hộ này có thể chủ động về tài chính nên có những hành động, giải pháp ứng phó kịp thời khi sự cố xảy ra. Trong khi đó, những hộ nghèo bị động hoàn toàn.

3.4. Nguyên vọng của người dân trong ứng phó với BĐKH

Nhằm nâng cao khả năng chống chịu của người dân trước tác động của BĐKH, các nông hộ rất cần sự quan tâm sâu sát, hỗ trợ của chính quyền cùng các đoàn thể ban ngành tại địa phương. Dưới đây là một số nguyện vọng của bà con đề xuất:

- Hướng dẫn cách phòng ngừa và ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan cho nông dân; thường xuyên phổ biến thông tin về những thay đổi của thời tiết, cảnh báo sớm về các hiện tượng thời tiết cực đoan nhằm giúp người dân chuyển đổi mùa vụ, ứng phó kịp thời. Chính quyền địa phương cần thông tin kịp thời đến bà con khi có bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy; hỗ trợ nông dân di dời khi có bão; chống sạt lở và chắn sóng dọc theo rừng phòng hộ; xây đê bao ngăn ngập lụt do triều cường; nạo vét thông thoáng kênh nội đồng; nâng cấp cơ sở hạ tầng (cầu, đường).

- Quy hoạch vùng trồng trọt, nuôi thủy sản hợp lý tránh khai thác nguồn nước ngầm quá mức, xả thải nước nuôi thủy sản bất hợp lý gây ảnh hưởng đến các vùng nuôi lân cận; cung cấp các kiến thức khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, nuôi trồng thủy hải sản hiệu quả; tư vấn cách thức chọn giống vật nuôi cây trồng tốt.

- Nghiên cứu, hỗ trợ bà con tìm ra giống vật nuôi cây trồng chịu mặn, chịu

ngập và chịu hạn tốt; hỗ trợ kỹ thuật, phương pháp chăn nuôi hiệu quả; hướng dẫn bà con áp dụng các mô hình sản xuất, chăn nuôi tiên tiến.

– Đa dạng hóa các loại hình sinh kế cho bà con. Địa phương nên phát triển du lịch sinh thái, du lịch tham quan di tích lịch sử nhằm góp phần tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân. Hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, tránh bị thương lái ép giá.

4. Kết luận

– Kinh nghiệm dân gian, sáng kiến trong sinh kế có ý nghĩa quan trọng nhằm

giúp cộng đồng tăng cường khả năng chống chịu trước những thay đổi bất thường của thời tiết và khí hậu.

– Năng lực thích ứng của người dân ven biển tỉnh Bến Tre tùy thuộc vào loại hình sinh kế, trình độ văn hoá, giới tính và khả năng tài chính.

– Người dân rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức xã hội trong việc tìm ra các loại vật nuôi cây trồng có khả năng chống chịu, thích ứng với các hiện tượng thời tiết cực đoan cũng như những sáng kiến khoa học giúp bà con phát triển sinh kế bền vững.

ADAPTIVE CAPACITY OF PEOPLE LIVING IN COASTAL AREAS OF BEN TRE PROVINCE IN THE CONTEXT OF CLIMATE CHANGE

Le Thi Kim Thoa

*University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University of Ho Chi Minh City*

ABSTRACT

Located in lower section of the Mekong delta, low lying area and contiguous with the East sea, Ben Tre is evaluated as one of the most regions seriously affected by the impact of climate change. Typically saline intrusion, drought, flood tide and sea level rise. In recent times, extreme weather and climate have happened regularly and unusually, that affects human lives and likelihood. Beside the efforts of government and social organizations in reducing and mitigating the risk from climate change impacts, local community, especially how has poor people who is living in low lying and coastal areas adapted and coped with climate change impacts? This paper presents the result of studying capacity building of poor people living in the coastal districts of Ben Tre province and some expectations to government and other organizations on climate change impacts.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. CARE International (2009), *Cẩm nang phân tích khả năng bị tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu*.
- [2]. Oxfam (2008), *Vietnam climate change, adaptation and poor people*, Oxfam in Viet Nam, Ha Noi.
- [3]. Srivasan. A (2004), *Local knowledge for facilitating adaptation to climate change in Asia and the Pacific: Policy Implications*, IGES-CP working paper.